TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2018
"V/v *tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung giữa anh Đ và chị H*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hải Yến

2. Ông Nguyễn Công Tụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Ông Trần Viết Quyết-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện F, tỉnh G

2. *Bị đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D

(*Tại phiên tòa có mặt anh Đ, chị H vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh G vào ngày 15/02/2008. Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do việc làm ăn kinh tế của vợ chồng gặp khó khăn và bất đồng quan điểm sống, đến cuối năm 2009 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã B, huyện C, tỉnh D sinh sống cho đến nay. Thời gian đầu chị H mới bỏ về anh đã nhiều lần tìm chị H để vợ chồng đoàn tụ nhưng không gặp chị H, theo anh, chị H và gia đình chị H không muốn vợ chồng đoàn tụ nên không cho anh gặp. Nay anh thấy vợ chồng sống xa cách thời gian đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, anh xin được ly hôn chị H.

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Dư M sinh ngày 31/05/2009, hiện đang ở với chị H, anh xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con, nhưng nếu chị H cũng xin nuôi con, anh đề nghị hỏi ý kiến con chung, anh tôn trọng quyền lựa chọn của con, việc cấp dưỡng cho con anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng không có tài sản và nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Phạm Thị H: Tòa án đã triệu tập nhưng chị H vắng mặt không có lý do, Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho gia đình chị H, nhưng chị H vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Kết quả xác M với gia đình chị H, được gia đình chị H cung cấp: Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và con chung như anh Nguyễn Văn Đ trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Đ và chị H gia đình chị H không nắm được, sau khi kết hôn anh chị đi làm ăn, đến khi chị H chuẩn bị sinh con thì anh chị về thị trấn K, huyện C, tỉnh D thuê nhà ở cho đến khi chị H sinh con xong được mấy ngày thì anh Đ bỏ đi, chị H đã đưa con về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ cho đến nay. Khi con anh chị được 4 tuổi anh Đ có về thăm con hai lần, từ đó đến nay anh Đ không về lần nào nữa. Thời gian gần đây chị H đi làm ăn, không nói cho gia đình biết địa chỉ, thi thoảng có về thăm bố mẹ và con và thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại, chị H vẫn gửi tiền để gia đình nuôi cháu Nguyễn Dư M ăn học. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, gia đình đã thông báo cho chị H biết, chị H có nhờ gia đình đề nghị Tòa án như sau: Chị nhất trí yêu cầu xin ly hôn của anh Đ; chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung vì từ khi chị sinh con anh Đ không quan tâm, thăm hỏi, không có trách nhiệm với con, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con; vợ chồng không có

tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì lý do công việc, chị không thể về Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Kết quả xác M với chính quyền địa phương xã B, huyện C cho thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Đ, chị H không sinh sống ở địa phương nên địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng, sau khi chị H sinh con, chị H cùng con về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ ở xã B, huyện C, tỉnh D cho đến nay. Chị H có hộ khẩu thường trú ở Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D nhưng hiện tại chị H đi làm ăn ở đâu địa phương không nắm được, chị H gửi con cho bố mẹ đẻ chị H nuôi, thi thoảng có về thăm con và gia đình. Con trai chị H được ông bà ngoại chăm sóc ăn học phát triển bình thường, hiện nay cháu đang học lớp 4D trường Tiểu học B, huyện C, tỉnh D.

Ý kiến của cháu Nguyễn Dư M: Từ nhỏ cháu ở với mẹ và ông bà ngoại, cháu được mẹ và ông bà chăm sóc, thương yêu, nguyện vọng của cháu muốn được tiếp tục ở với mẹ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt, do đó Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Phạm Thị H; giao con chung Nguyễn Dư M sinh ngày 31/5/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; anh Đ khai vợ chồng không có tài sản chung, chị H vắng mặt nên không xét; anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ ở huyện F, tỉnh G làm đơn xin ly hôn chị Phạm Thị H có địa chỉ thường trú tại xã B, huyện C, tỉnh D, căn cứ vào Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Bị đơn là chị Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ

luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị H xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh G cấp đăng ký kết hôn số 07 ngày 15/02/2008 là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, cuộc sống chung của anh chị chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, trong hơn một năm chung sống đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc anh chị không còn chung sống cùng nhau từ cuối năm 2009 cho đến nay, chị H đưa con về ở với bố mẹ đẻ, anh Đ đi làm ăn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Đ xin ly hôn, Tòa án đã triệu tập chị H để tiến hành các thủ tục tố tụng và hòa giải nhưng chị H không có mặt để tham gia tố tụng, thông qua gia đình, chị bày tỏ quan điểm nhất trí yêu cầu xin ly hôn của anh Đ và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, điều đó cho thấy mục đích cuộc hôn nhân của anh chị không đạt được, quan hệ hôn nhân của anh chị thực tế trong gần chín năm qua chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị H có một con chung là cháu Nguyễn Dư M sinh ngày 31/5/2009, nguyện vọng của anh Đ và chị H đều xin được nuôi dưỡng con chung là chính đáng, nhưng xét thấy, ngay từ sau khi sinh con anh chị đã không chung sống cùng nhau, con chung được chị H nuôi dưỡng cho đến nay. Kết quả xác M cho thấy, hiện tại chị H đi làm ăn xa nhưng vẫn đi về thăm con và gửi tiền để bố mẹ chị H đóng học cũng như chi phí sinh hoạt cho cháu M, cháu M được ông bà ngoại nuôi dưỡng ăn học chu đáo, phát triển bình thường; bản thân cháu M có nguyện vọng xin được ở với mẹ và ông bà ngoại; mặt khác, sau khi biết quan điểm của chị H xin nuôi con chung và cháu M xin được ở với mẹ anh nhất trí. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cũng như tránh sáo trộn cuộc sống của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con do chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ khai vợ chồng không có tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án chị H vắng mặt, Tòa án không lấy được lời khai của chị H nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Dư M sinh ngày 31/5/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: Chị Phạm Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng cho con nên không giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3.Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003713 ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Liên
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
-UBND xã E, huyện.F, tỉnh.G;
- Lưu hồ sơ vụ án.